



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Chứng khoán MB

Ngày 31/12/2025	26,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	5.2%

DT thuần Q4/25
160
tỷ VNĐ
QoQ: ▼83.0 -34.2%
YoY: ▼48.0 -23.1%

LN thuần Q4/25
3.31
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.92 138%
YoY: ▼5.02 -60.2%

LN sau thuế Q4/25
12.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 24.0 216%
YoY: ▲ 12.6 4500%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
547%
YoY: +/-▲ 207%

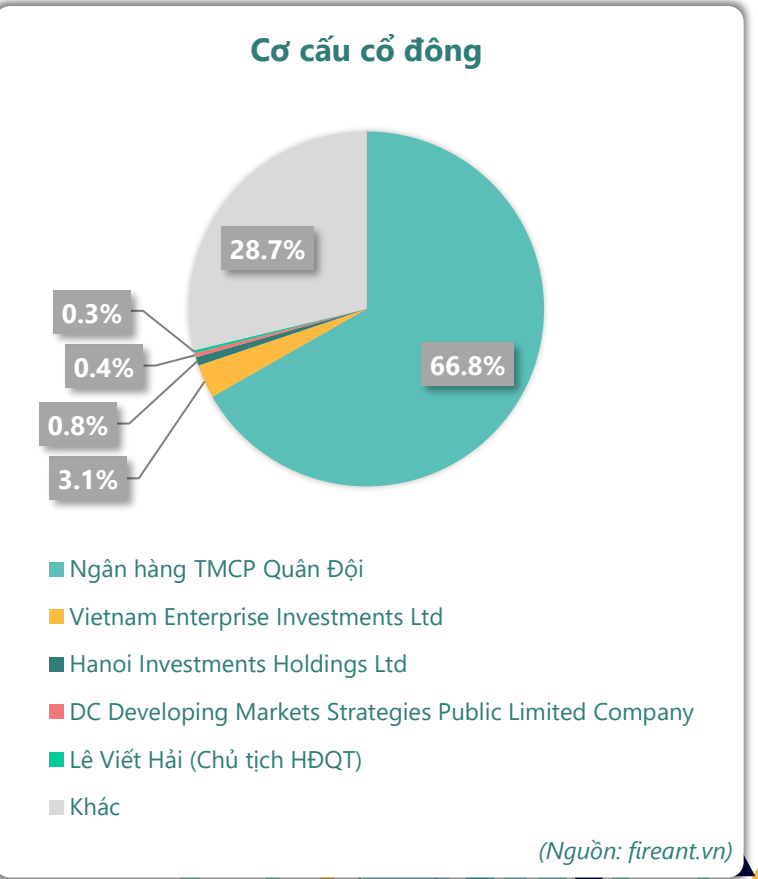
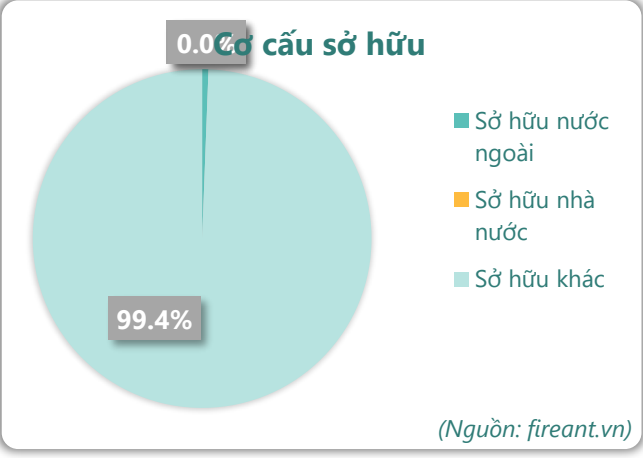
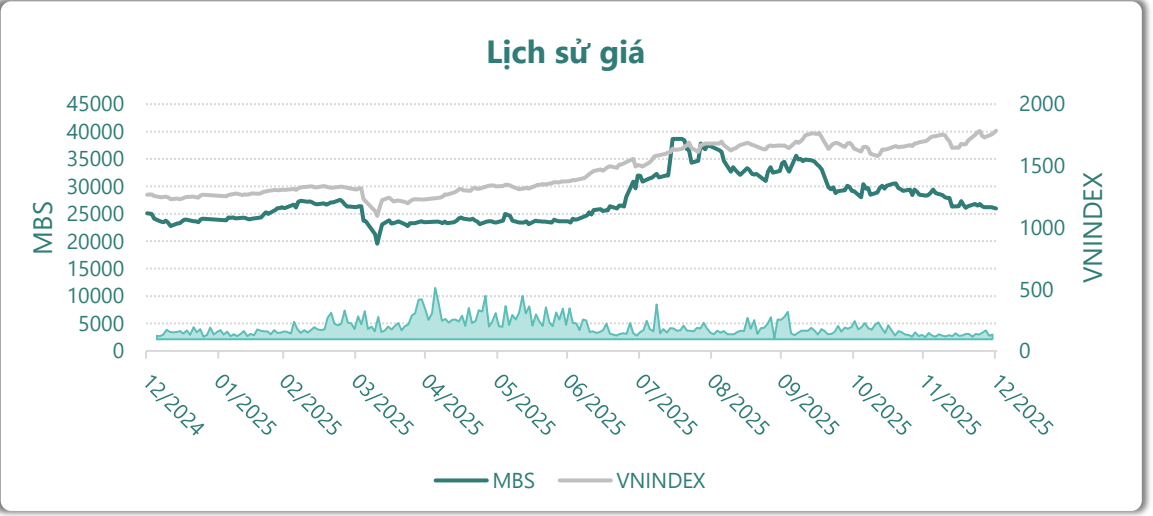
ROE 2025

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	19,549 - 38,660
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	17,126
Số lượng CPLH (CP)	658,696,746
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,918,350
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	1.94
EPS	1,717
P/E	15.1

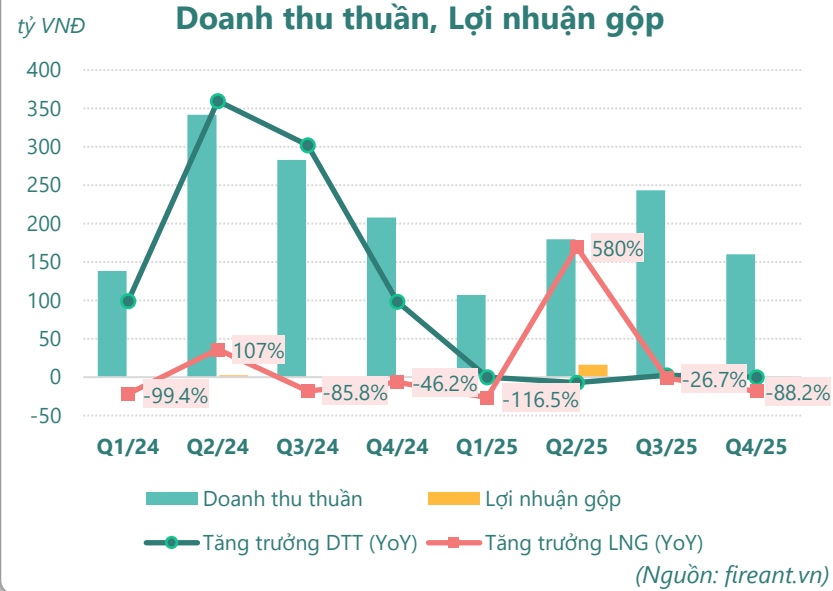
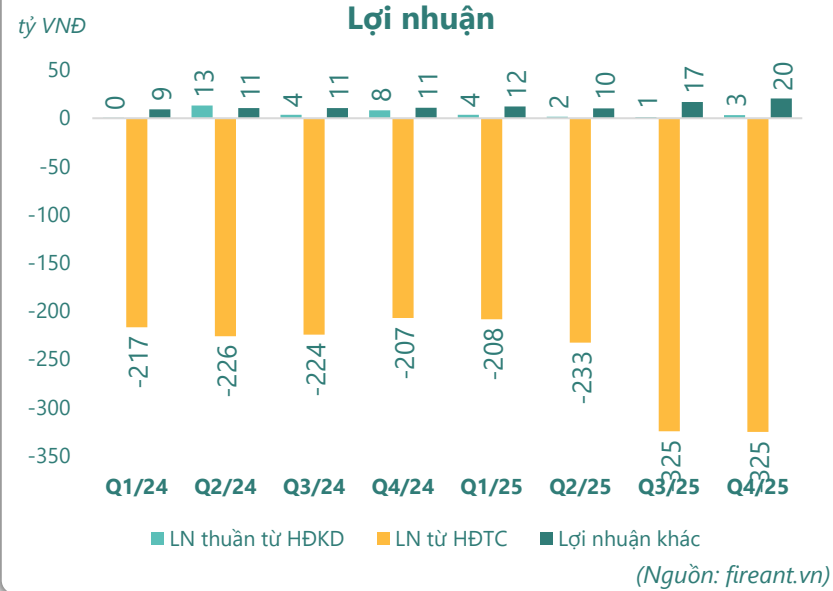
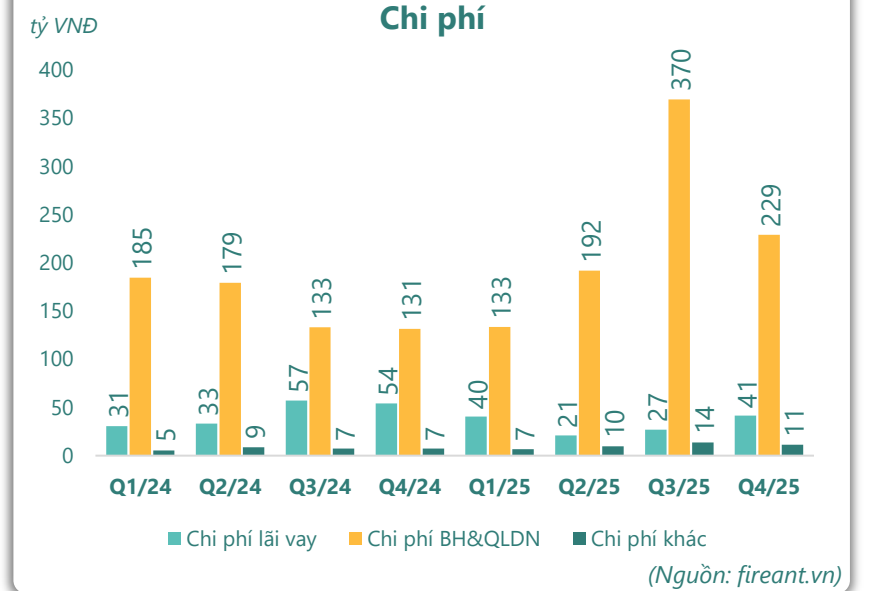
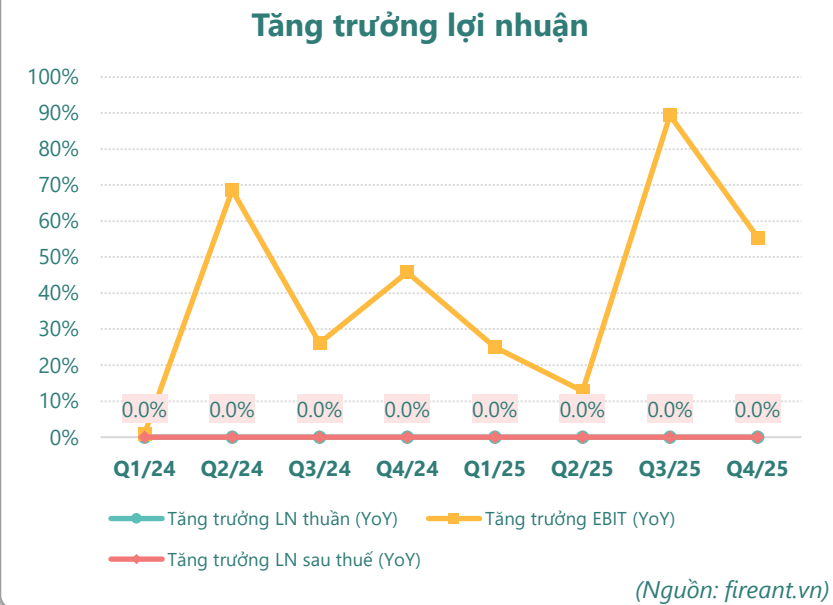
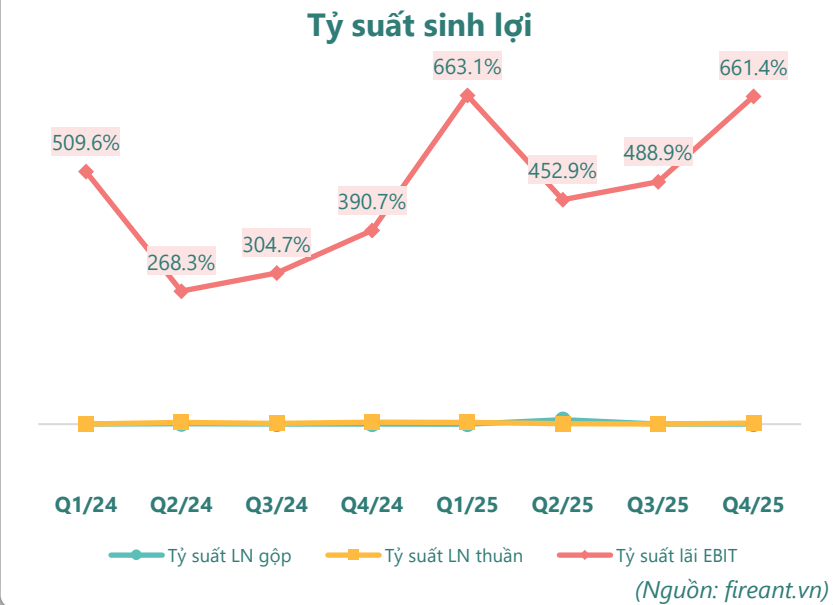
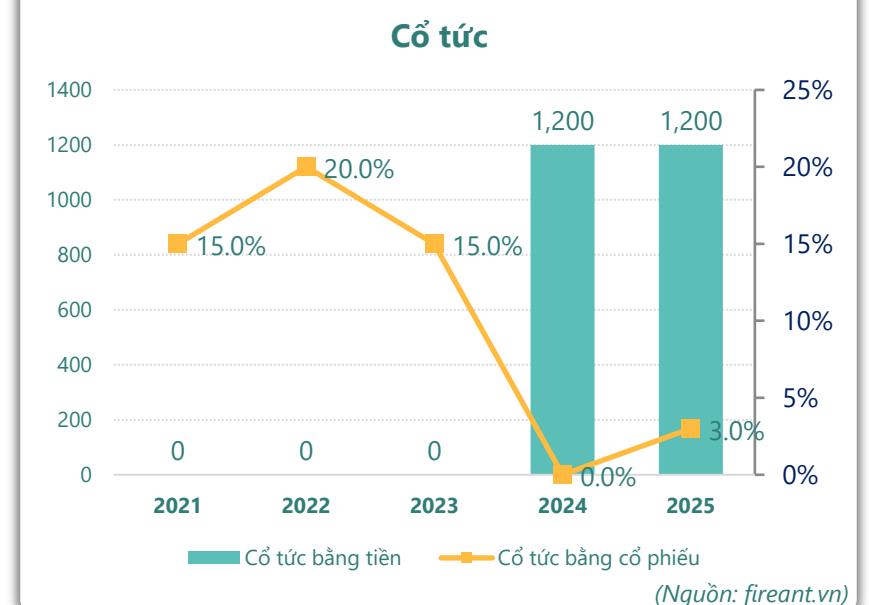
DT thuần 2025
690
tỷ VNĐ
YoY: ▼281 -29.0%

LN thuần 2025
9.95
tỷ VNĐ
YoY: ▼15.7 -61.1%

LN sau thuế 2025
31.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 31.0 14727%



KẾT QUẢ KINH DOANH

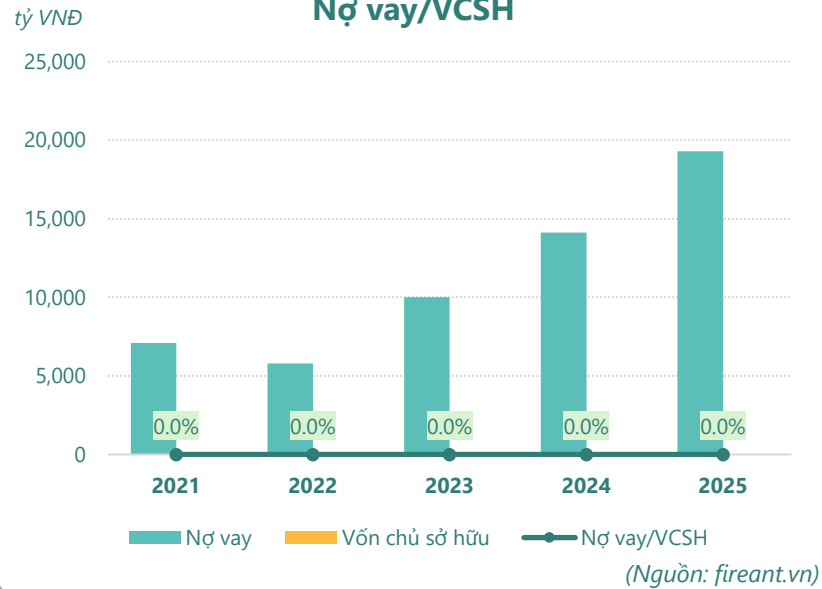


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

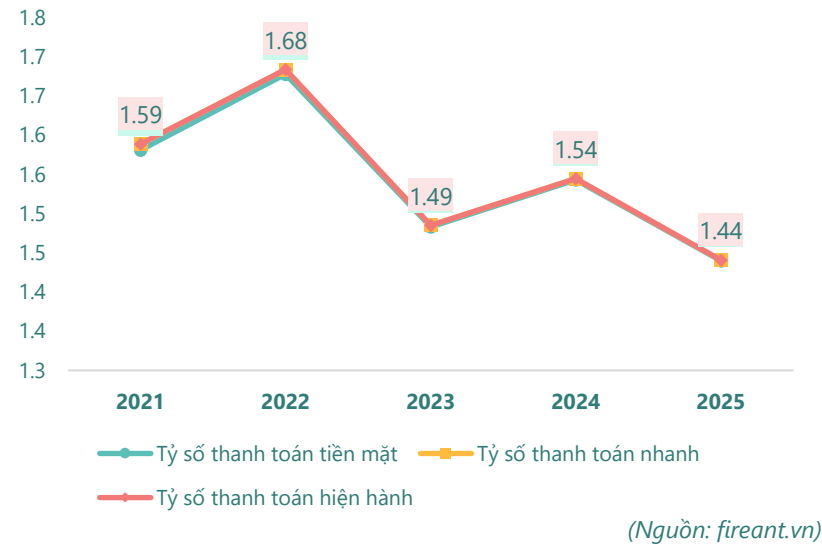


HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

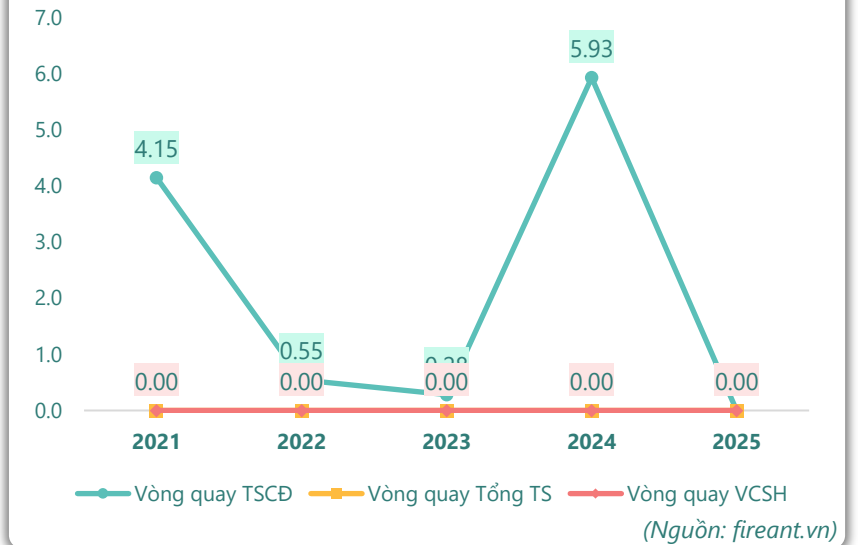
Nợ vay/VCSSH



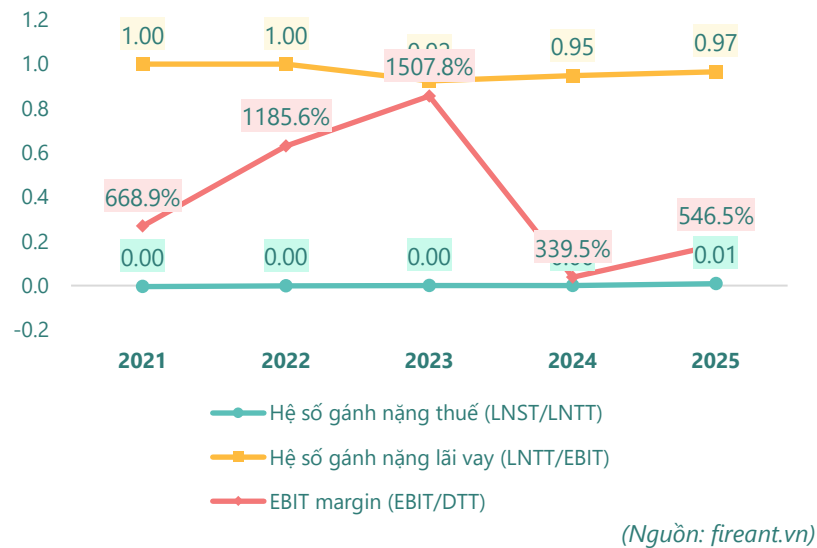
Chỉ số thanh khoản



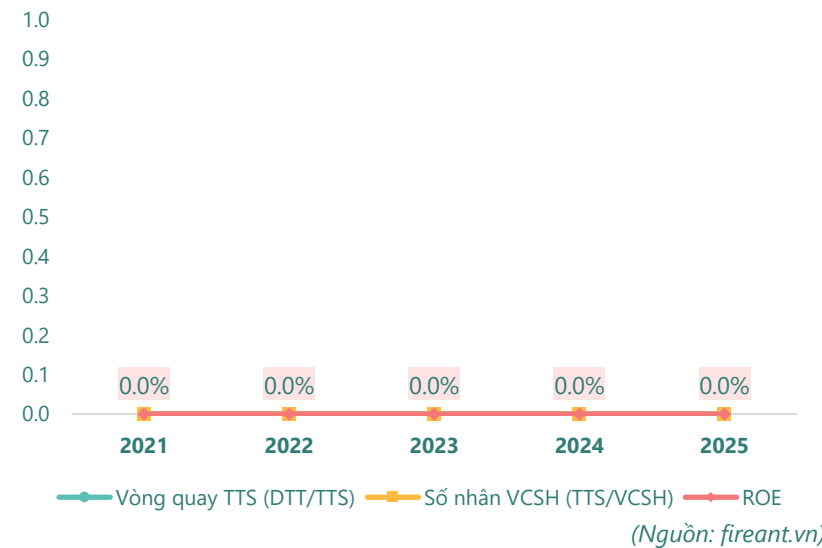
Vòng quay tài sản



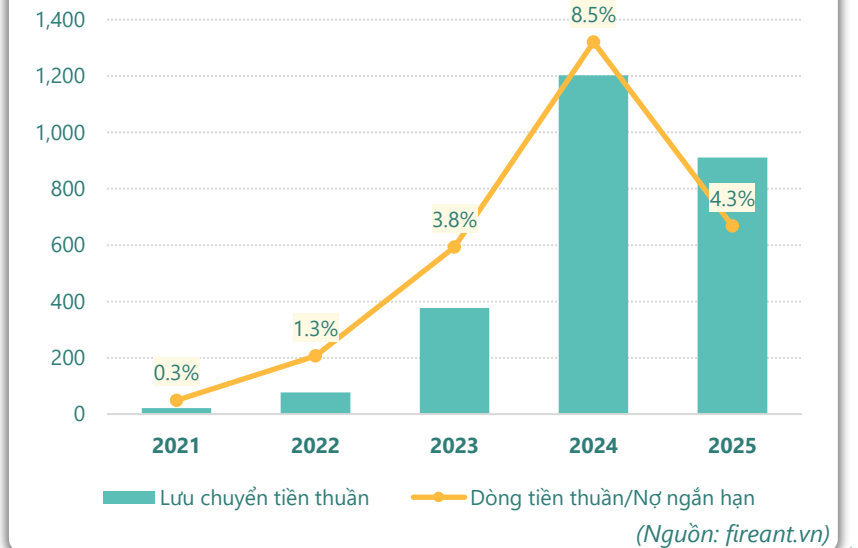
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Vòng quay tài sản và ROE



Đồng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	160	208	-23.1%	690	971	-29.0%
Giá vốn hàng bán	17.7	8.79	101%	13.0	9.85	32.5%
Lợi nhuận gộp	0.01	0.06	-87.3%	16.3	2.71	500%
Doanh thu HĐTC	104	61.0	70.1%	332	182	82.7%
Chi phí TC	429	268	60.1%	1,423	1,056	34.7%
Chi phí lãi vay	41.4	54.0	-23.3%	130	175	-25.8%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	229	131	74.5%	923	628	47.0%
Chi phí QLDN	0.55	0.00		0.55	0.20	177%
LN thuần từ HĐKD	3.31	8.33	-60.2%	9.95	25.6	-61.1%
Lợi nhuận khác	20.4	10.9	87.3%	59.7	41.6	43.4%
LN trước thuế	1,016	758	34.1%	3,639	3,120	16.6%
Lợi nhuận sau thuế	12.9	0.28	4500%	31.2	0.21	14727%
LNST của CĐ cty mẹ	0	0.00		0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-854	-1,939	-205	-1,359	-5,289	2,650
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.08	-2.01	-12.4	-1.06	-0.11	-34.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,712	2,134	42.5	1,713	5,092	-1,686
Tiền đầu kỳ	722	1,580	1,774	1,598	1,951	1,754
Lưu chuyển tiền thuần	858	194	-175	353	-197	930
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,580	1,774	1,598	1,951	1,754	2,684

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	0	0	
Tài sản ngắn hạn	30,570	21,874	39.8%
Tiền và tương đương tiền	30,551	21,854	39.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	253	24.0	954%
Phải thu ngắn hạn	3,093	2,706	14.3%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	3.45	2.33	48.1%
Phải thu dài hạn	15.1	15.1	0.0%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	106	103	2.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.49	2.51	-0.8%
Lợi thế thương mại	10.2	10.2	0.2%
Nợ phải trả	22,782	15,223	49.6%
Nợ ngắn hạn	21,220	14,162	49.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	17,730	13,070	35.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	1,562	1,061	47.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

